

BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN THỜI HẠN VỪA
(Từ ngày 11 đến 20/3/2026)

1. Lưu vực sông Hồng

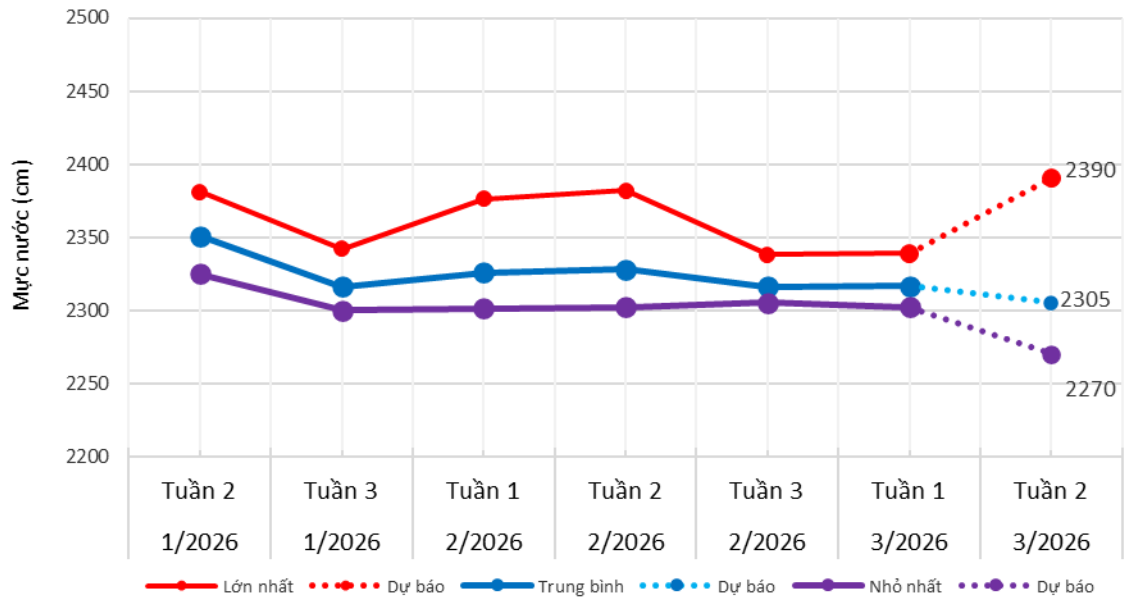
a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

- Sông Thao: Trong 10 ngày qua, trên sông Thao mực nước tại trạm Yên Bái biến đổi chậm, trạm Phú Thọ có dao động nhỏ.
- Sông Lô: Trong 10 ngày qua, mực nước trên sông Lô dao động và chịu ảnh hưởng của điều tiết thủy điện tuyến trên.
- Sông Đà: Dòng chảy đến hồ Hòa Bình dao động theo điều tiết của thủy điện Sơn La.
- Sông Hồng: Mực nước hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội biến đổi chậm chịu ảnh hưởng điều tiết các thủy điện tuyến trên và chịu ảnh hưởng của thủy triều.

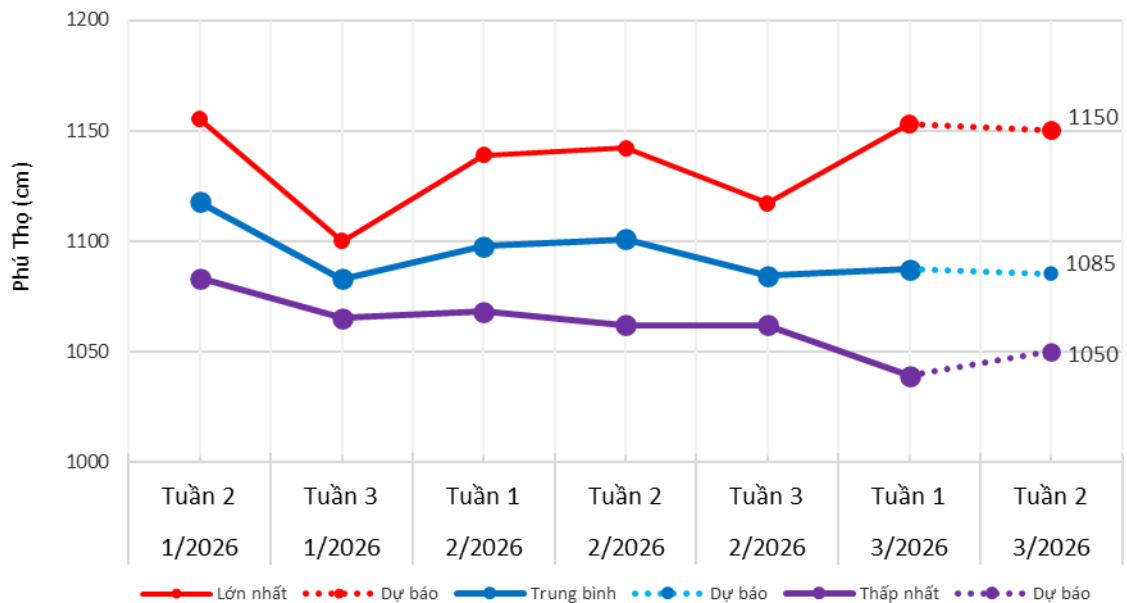
b. Dự báo, cảnh báo

- Sông Thao: Trong 10 ngày tới, trên sông Thao mực nước sẽ có dao động.
- Sông Lô: Mực nước trên sông Lô sẽ tiếp tục chịu ảnh hưởng của điều tiết thủy điện tuyến trên.
- Sông Đà: Dòng chảy đến hồ Hòa Bình dao động theo điều tiết của thủy điện Sơn La.
- Sông Hồng: Mực nước hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội tiếp tục biến đổi chậm và chịu ảnh hưởng mạnh của thủy triều.

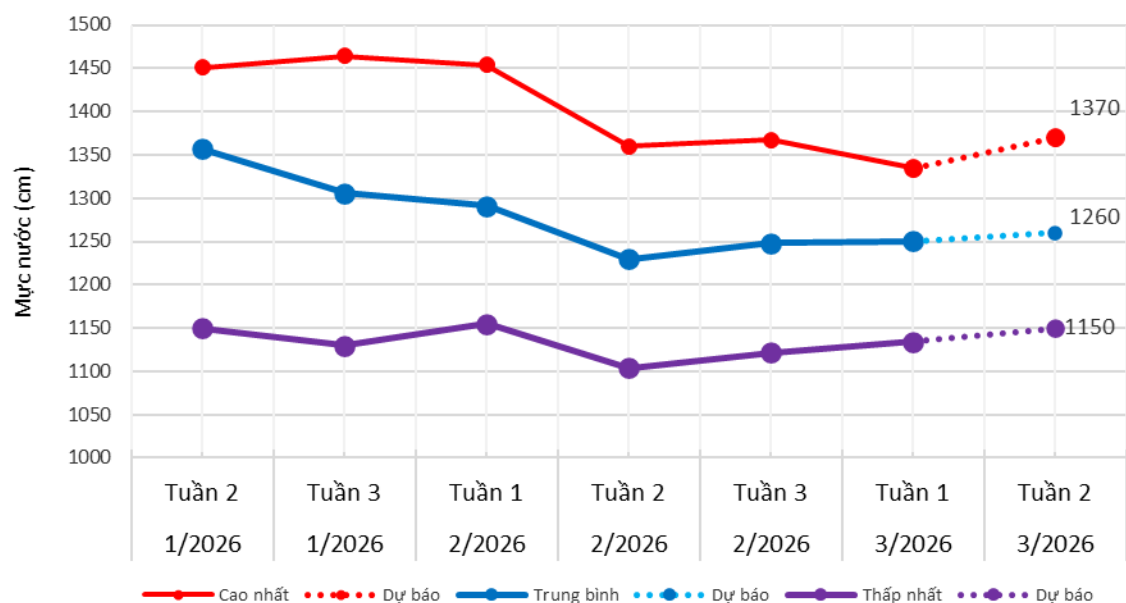
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM YÊN BÁI (SÔNG THAO)



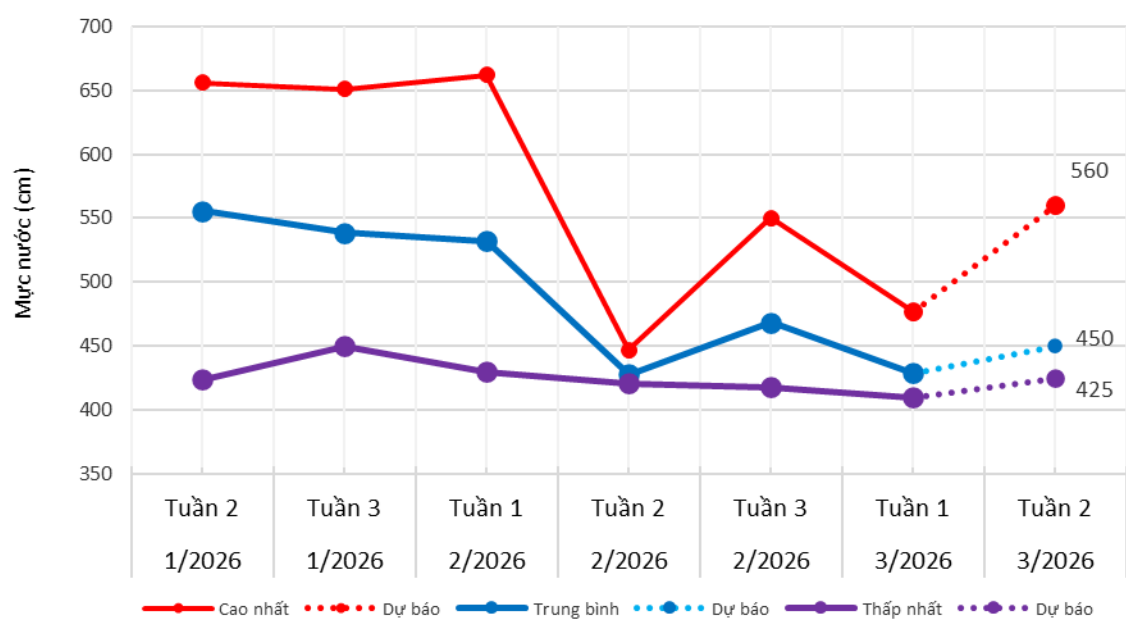
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM PHÚ THỌ (SÔNG THAO)

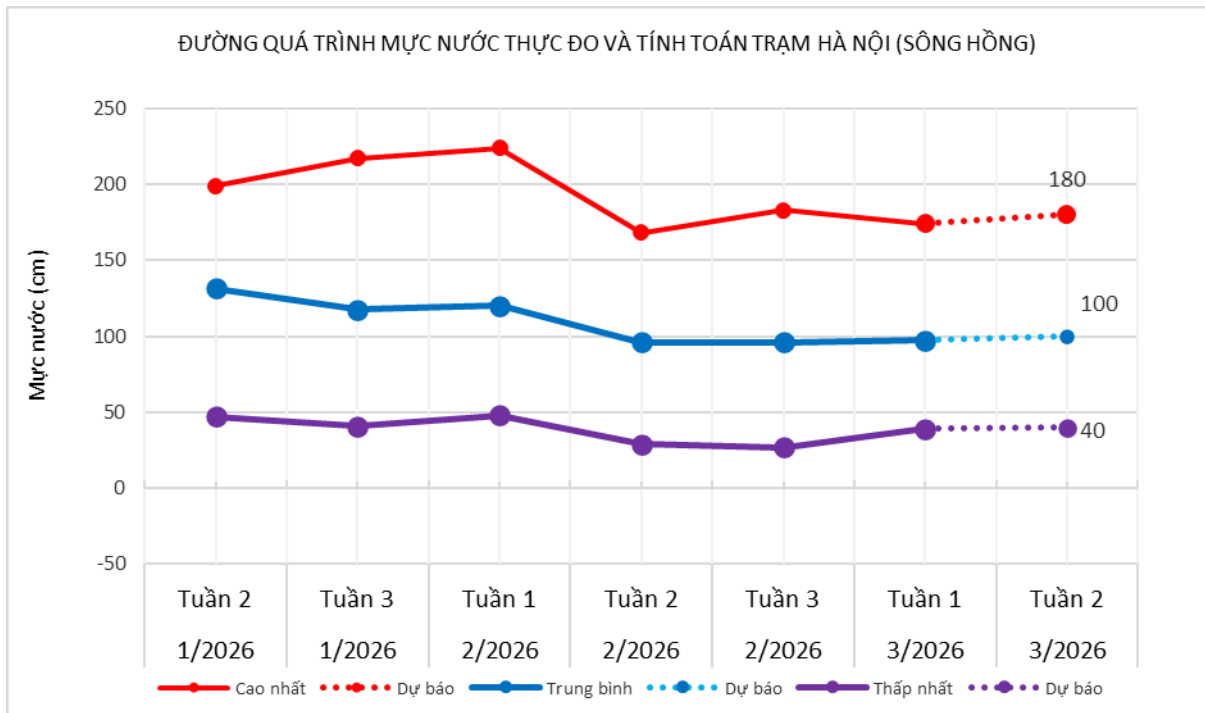
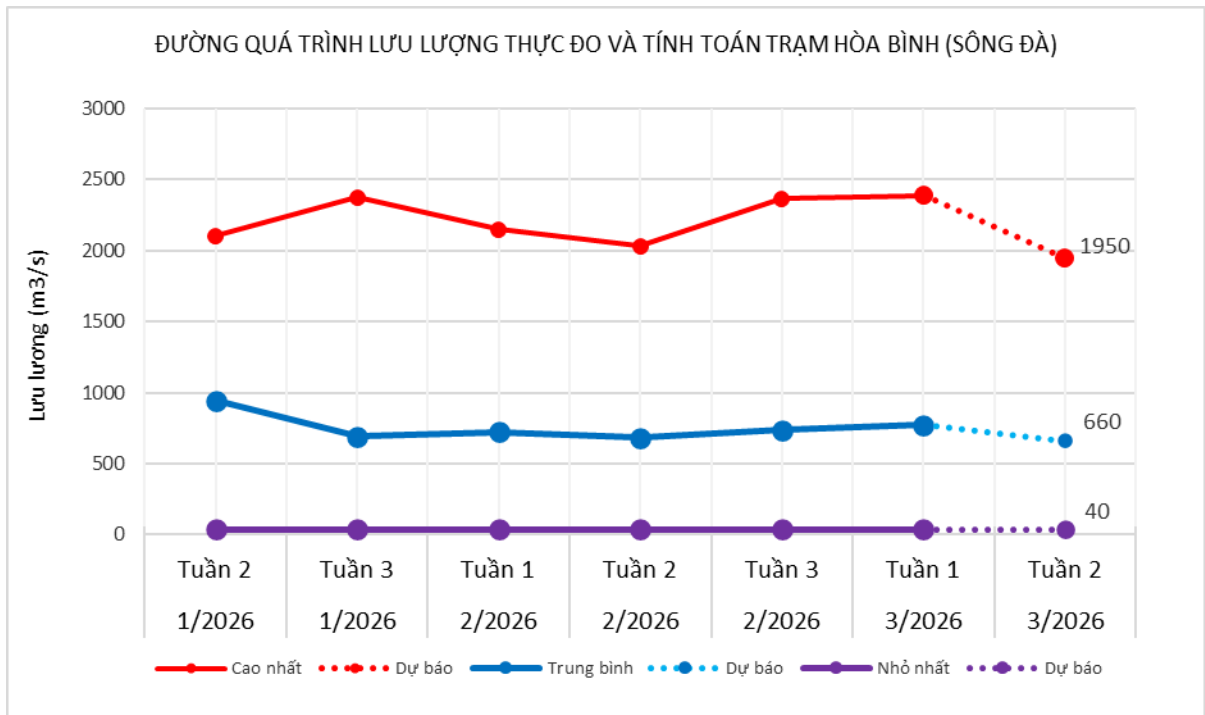


ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM TUYỀN QUANG (SÔNG LÔ)



ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM VỤ QUANG (SÔNG LÔ)





2. Lưu vực sông Thái Bình

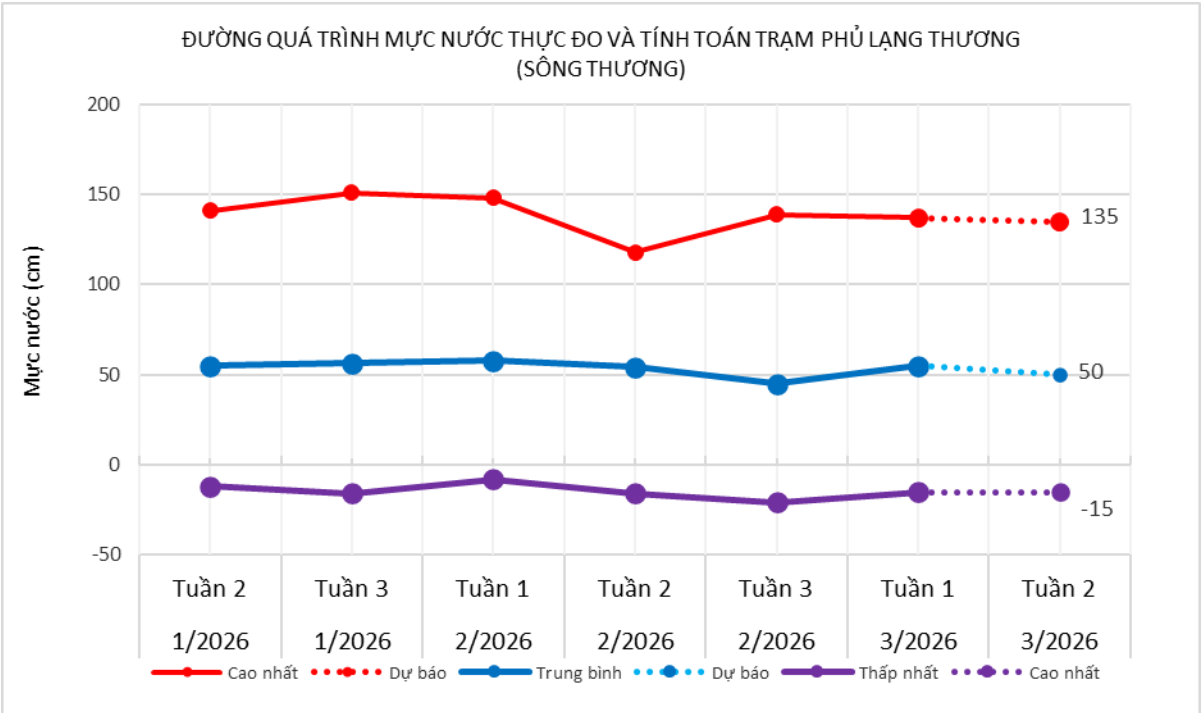
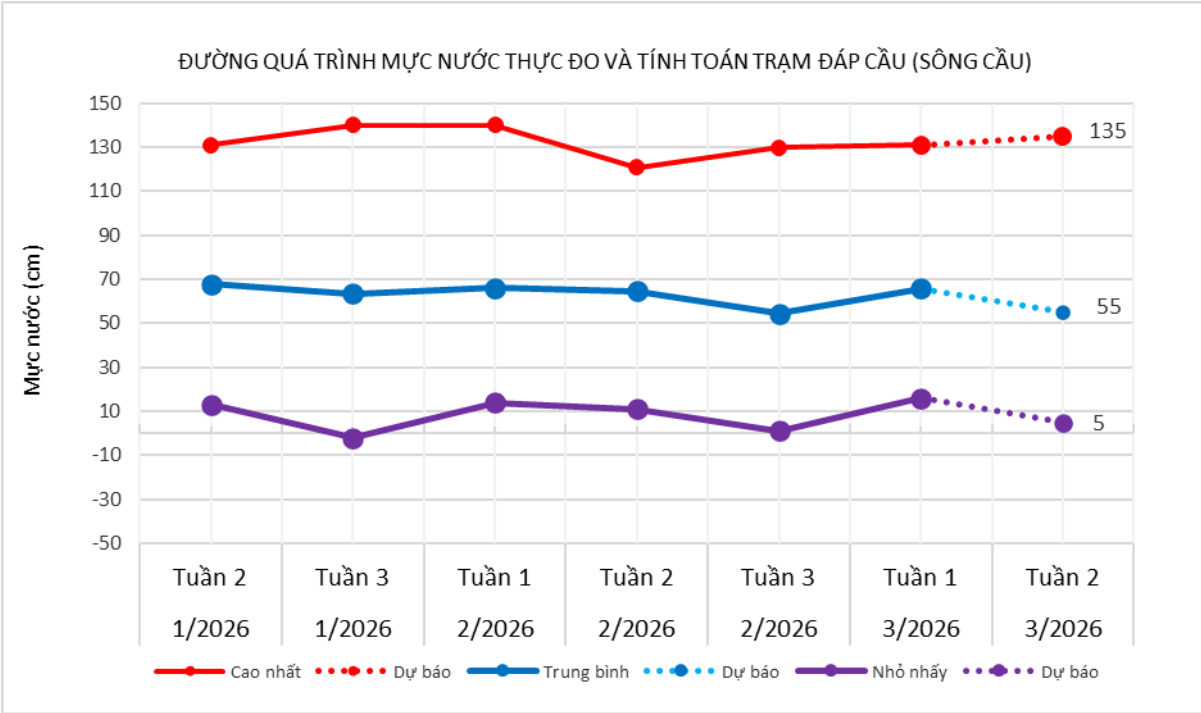
a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

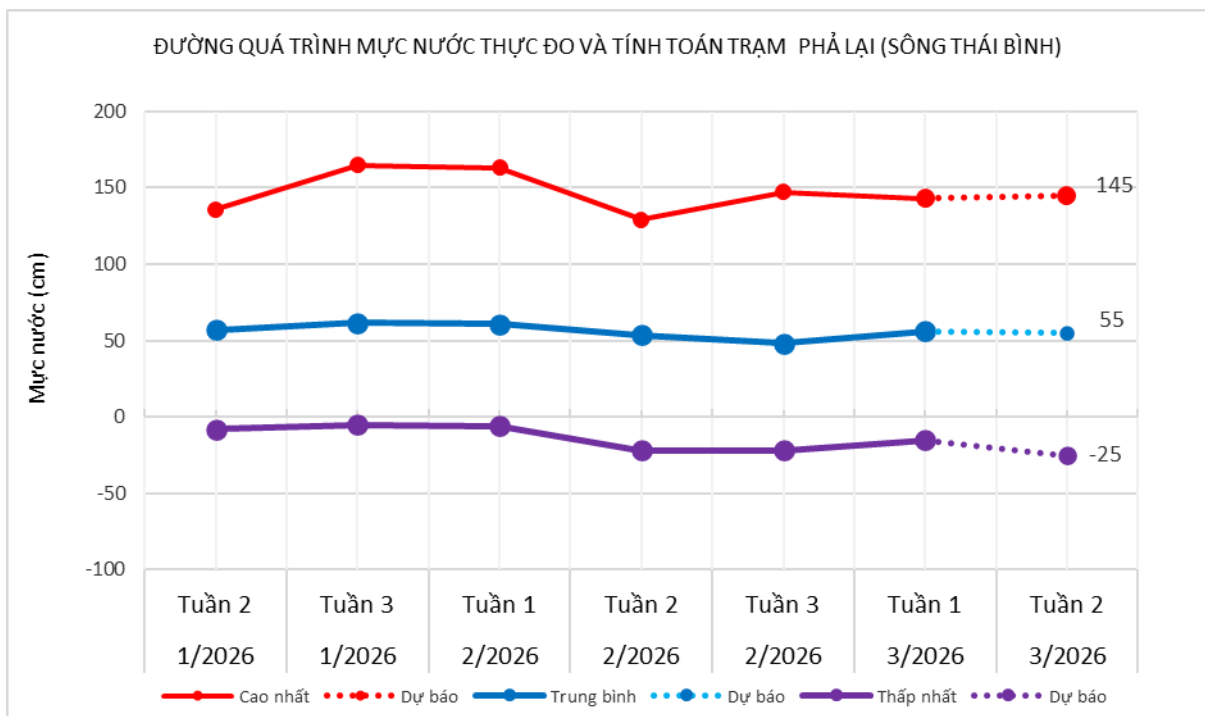
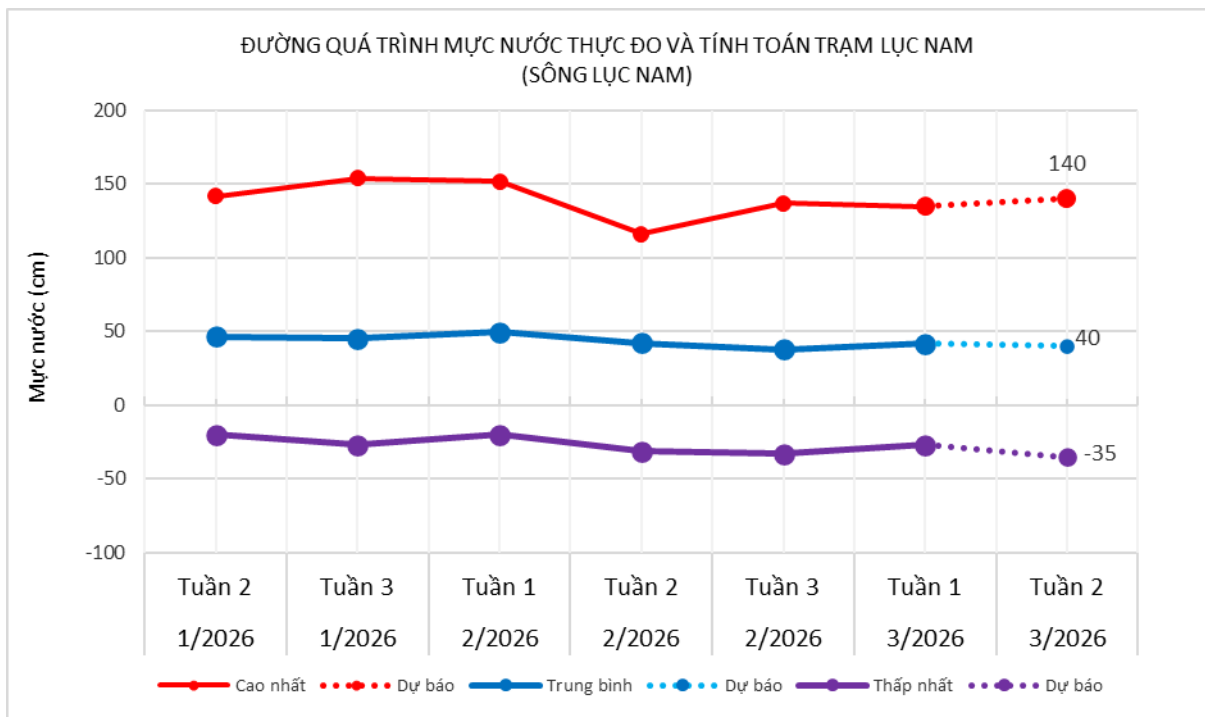
- Trong 10 ngày qua, mực nước trên thượng lưu và trung lưu sông Cầu, sông Thương và sông Lục Nam biến đổi chậm; ở hạ lưu các sông mực nước chịu ảnh hưởng của thủy triều. Mực nước sông Thái Bình tại Phả Lại dao động theo thủy triều.

b. Dự báo, cảnh báo

- Trong 10 ngày tới, mực nước ở thượng lưu và trung lưu các sông thuộc hệ thống sông Thái Bình tiếp tục biến đổi chậm, hạ lưu chịu ảnh hưởng của thủy

triều. Mực nước sông Thái Bình tại Phả Lại tiếp tục dao động chịu ảnh hưởng của thủy triều.





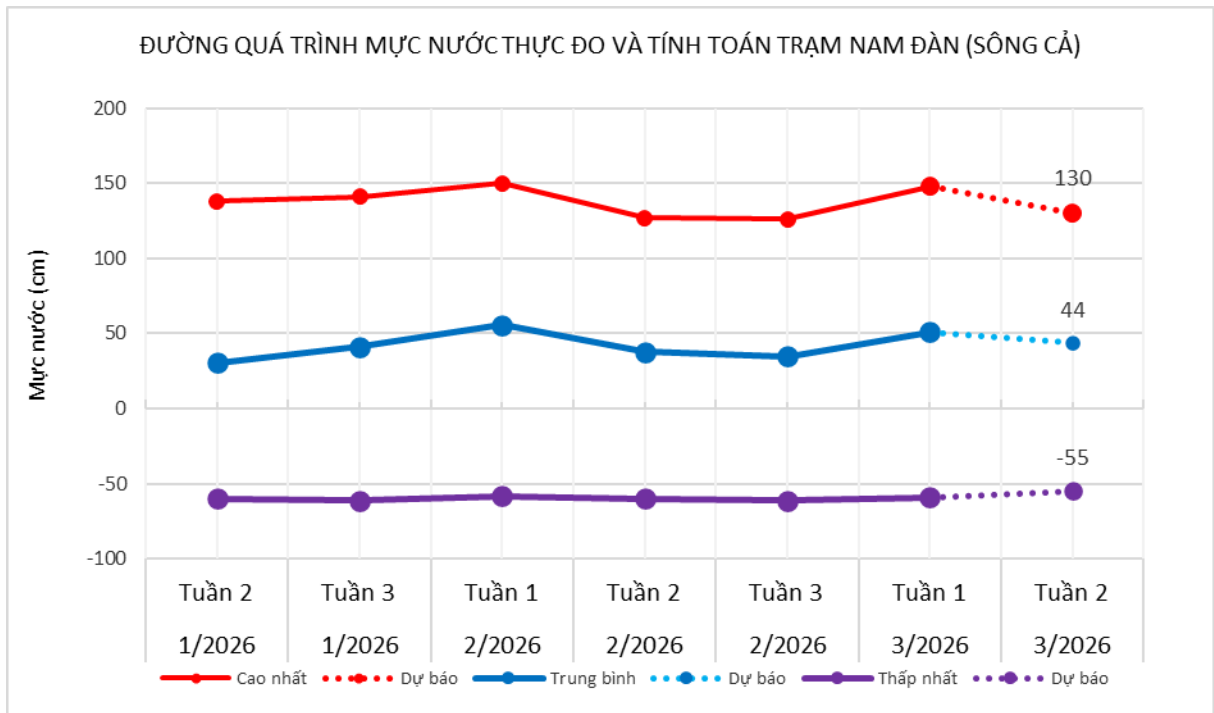
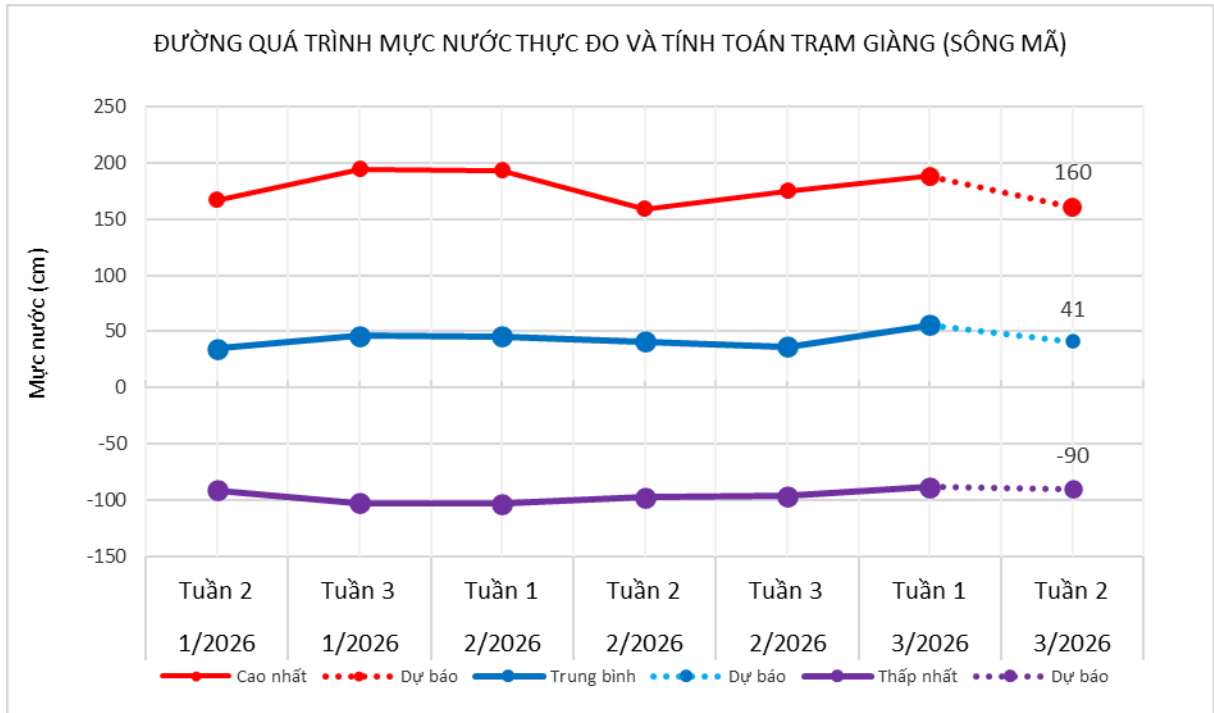
3. Các lưu vực sông thuộc khu vực Bắc Trung Bộ

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

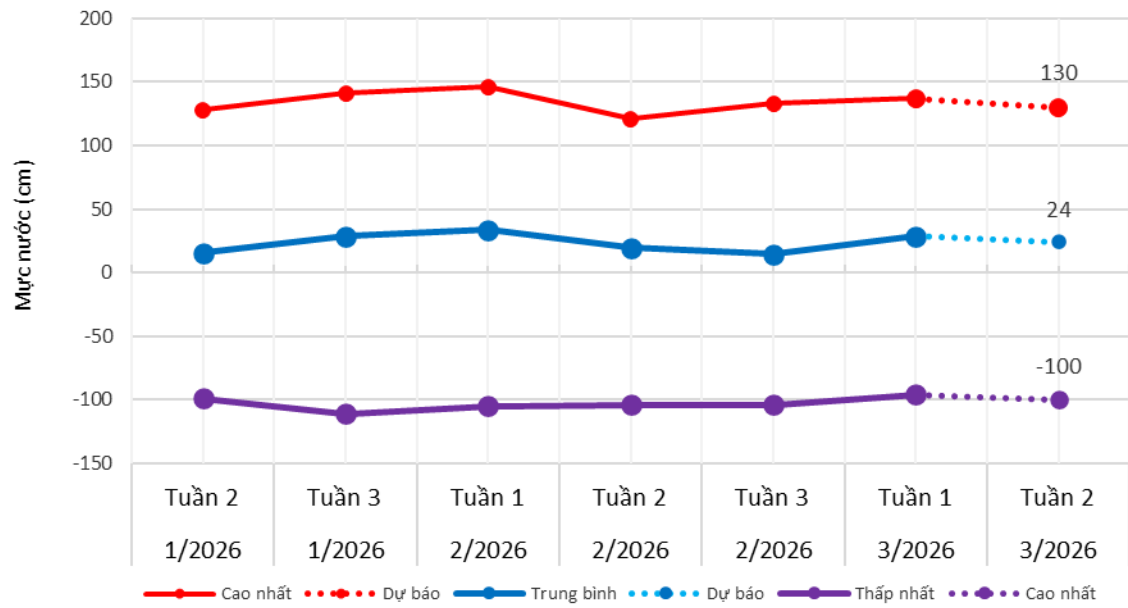
- Các sông từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh: Trong tuần, mực nước thượng lưu các sông biến đổi chậm, riêng sông Ngàn Phố có dao động; trung lưu dao động theo điều tiết hồ chứa; hạ lưu biến đổi theo triều.
- Các sông từ Quảng Trị đến TP Huế: Mực nước trên các sông ở Quảng Trị biến đổi chậm, các sông ở TP Huế có dao động.

b. Dự báo, cảnh báo

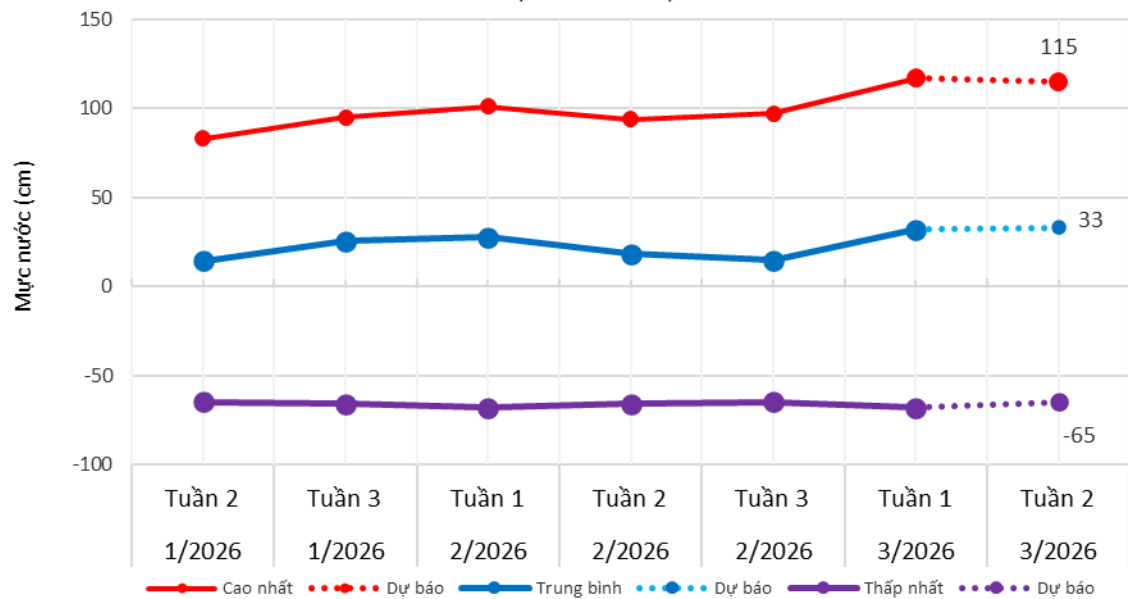
- Các sông từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh: Trong những ngày tới, thượng lưu các sông biến đổi chậm; trung lưu dao động theo điều tiết hồ chứa; hạ lưu biến đổi theo triều.
- Các sông từ Quảng Trị đến TP Huế: Mức nước trên các sông biến đổi chậm.

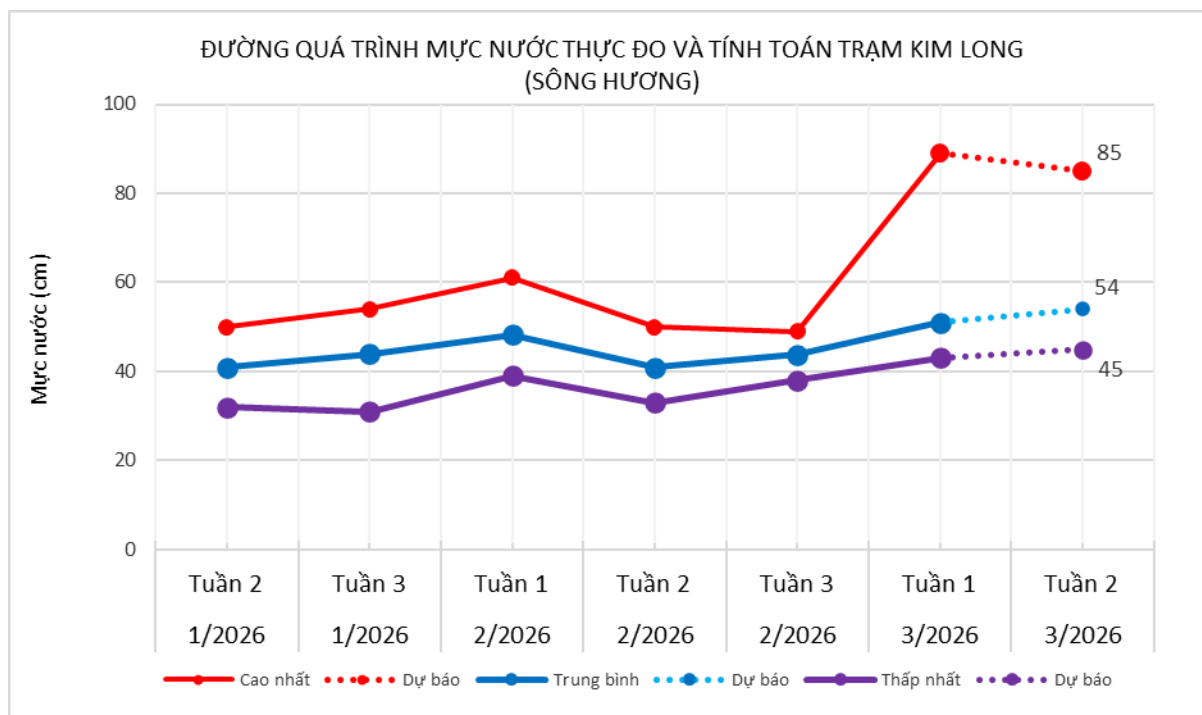


ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM LINH CẨM (SÔNG LA)



ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM MAI HÓA (SÔNG GIANH)





4. Các lưu vực sông thuộc khu vực Nam Trung Bộ

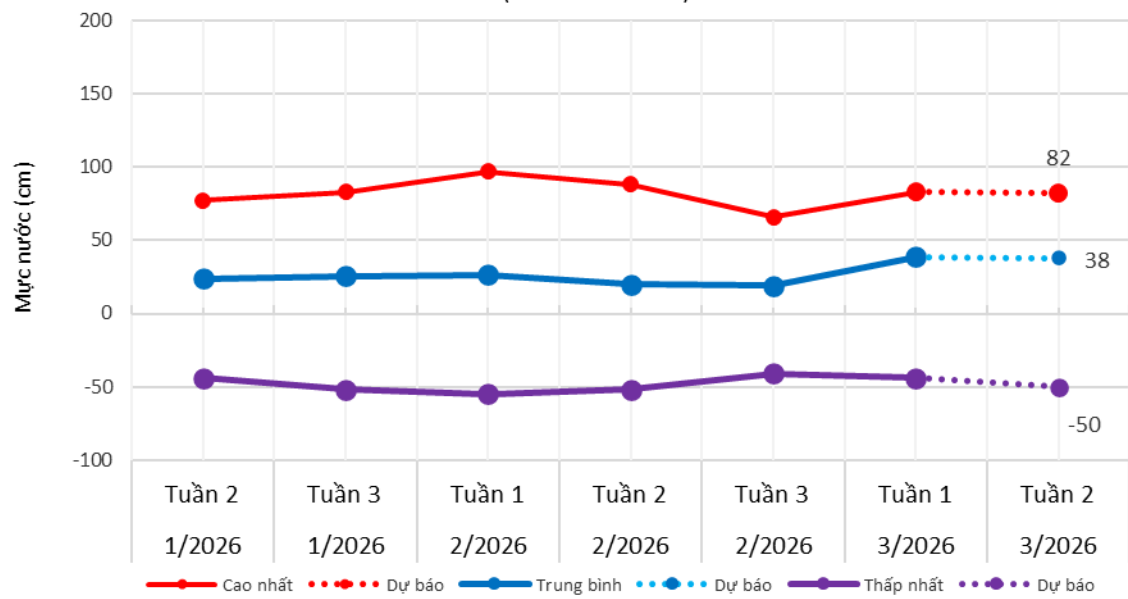
a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

- Các sông từ Đà Nẵng đến Quảng Ngãi: Mức nước trung, thượng lưu các sông có dao động, hạ lưu các sông dao động theo điều tiết hồ chứa.
- Các sông từ Gia Lai đến Lâm Đồng: Trong tuần, mức nước trên các sông biến đổi và có xuất hiện dao động nhỏ. Mức nước hạ lưu trên sông Kôn tại trạm Thanh Hòa dao động theo điều tiết của đập thủy lợi, hạ lưu sông Ba dao động theo điều tiết của hồ chứa và thủy triều.

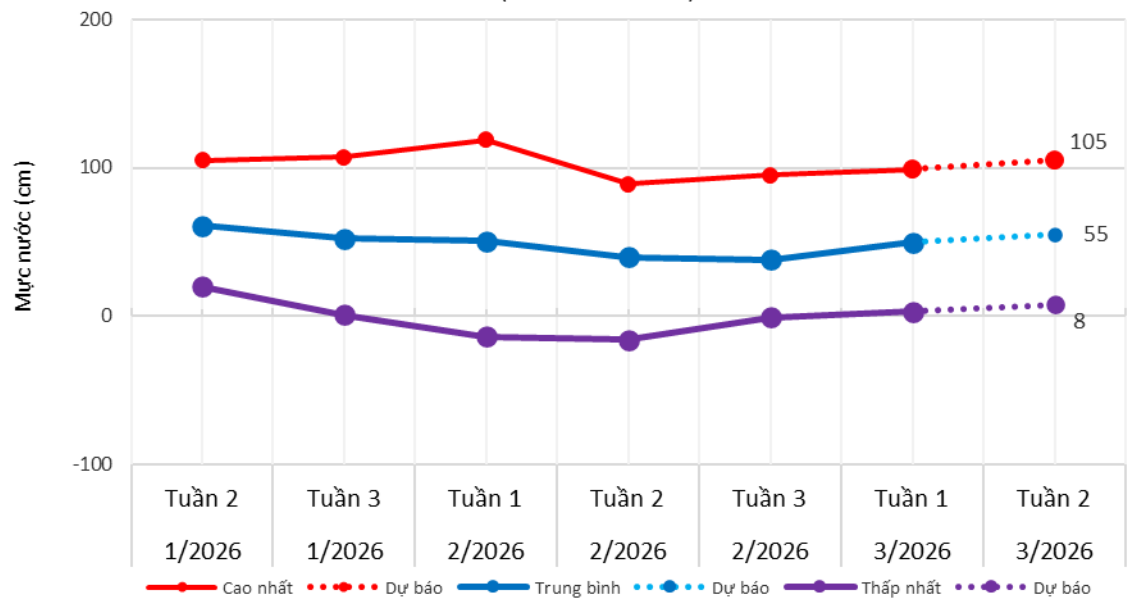
b. Dự báo, cảnh báo

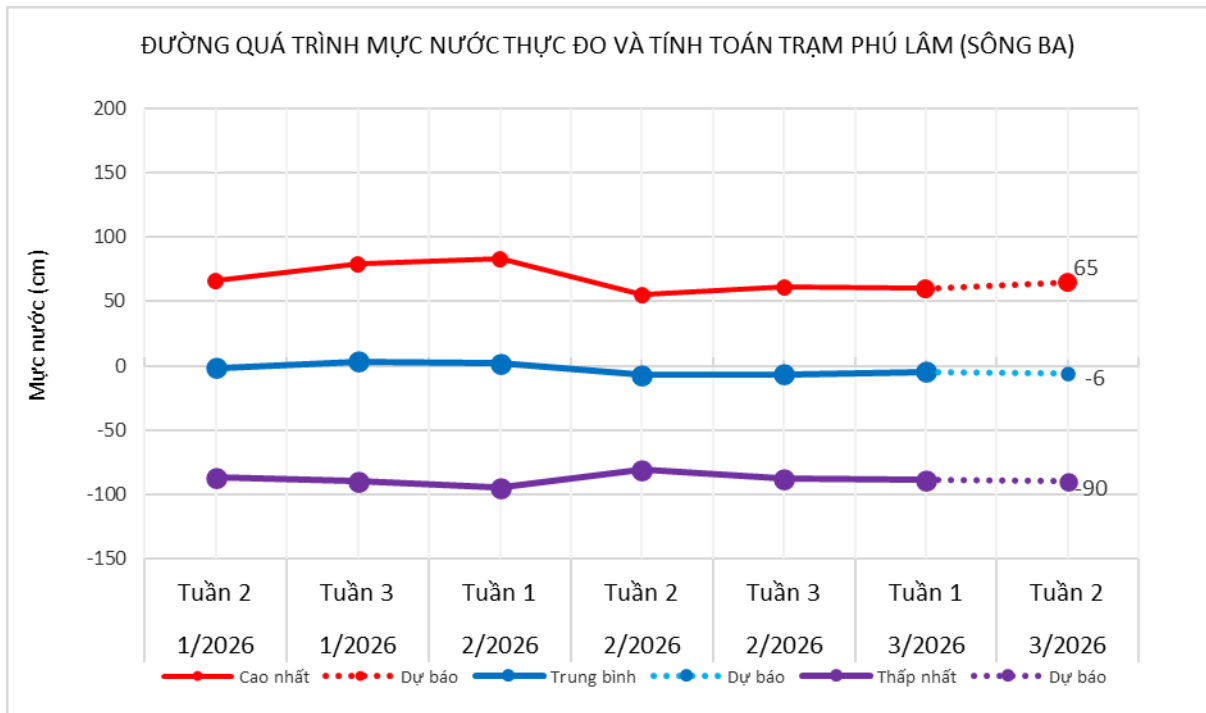
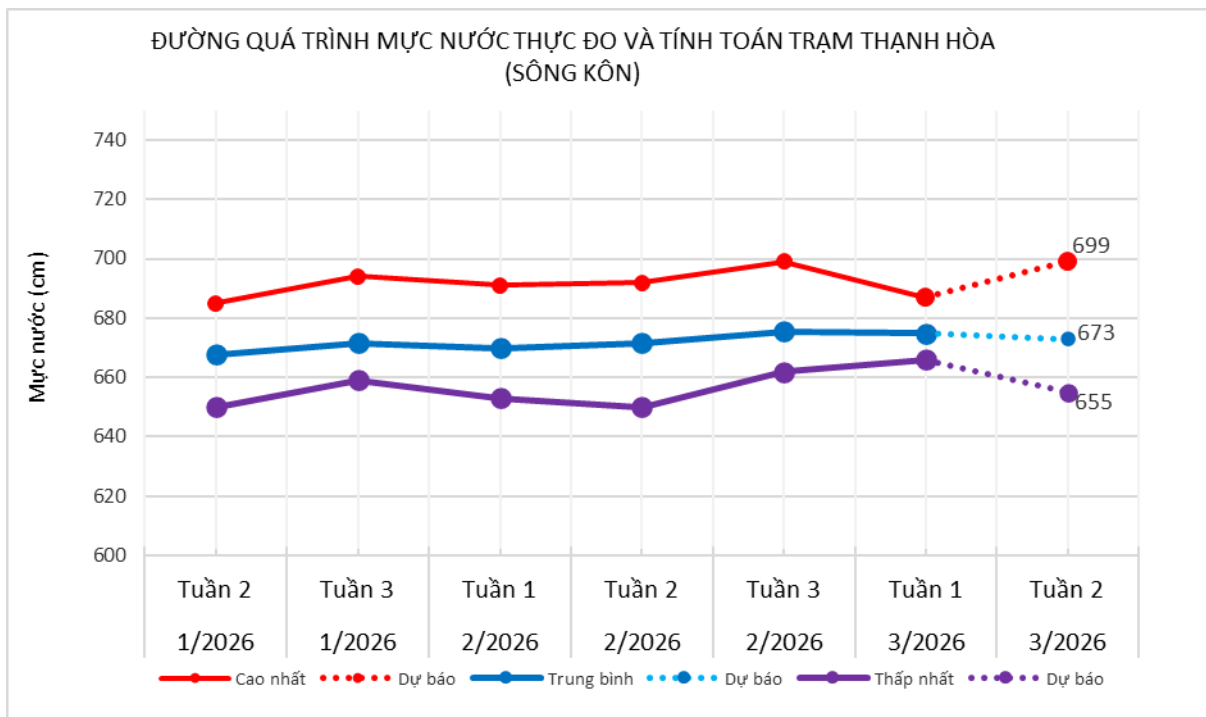
- Các sông từ Đà Nẵng đến Quảng Ngãi: Mức nước trên các sông biến đổi chậm.
- Các sông từ Gia Lai đến Lâm Đồng: Mức nước trên các sông biến đổi chậm. Mức nước hạ lưu trên sông Kôn tại trạm Thanh Hòa dao động theo điều tiết của đập thủy lợi, hạ lưu sông Ba dao động theo điều tiết của hồ chứa và thủy triều.

ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM CẦU LÂU
(SÔNG THU BỒN)



ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM TRÀ KHÚC
(SÔNG TRÀ KHÚC)





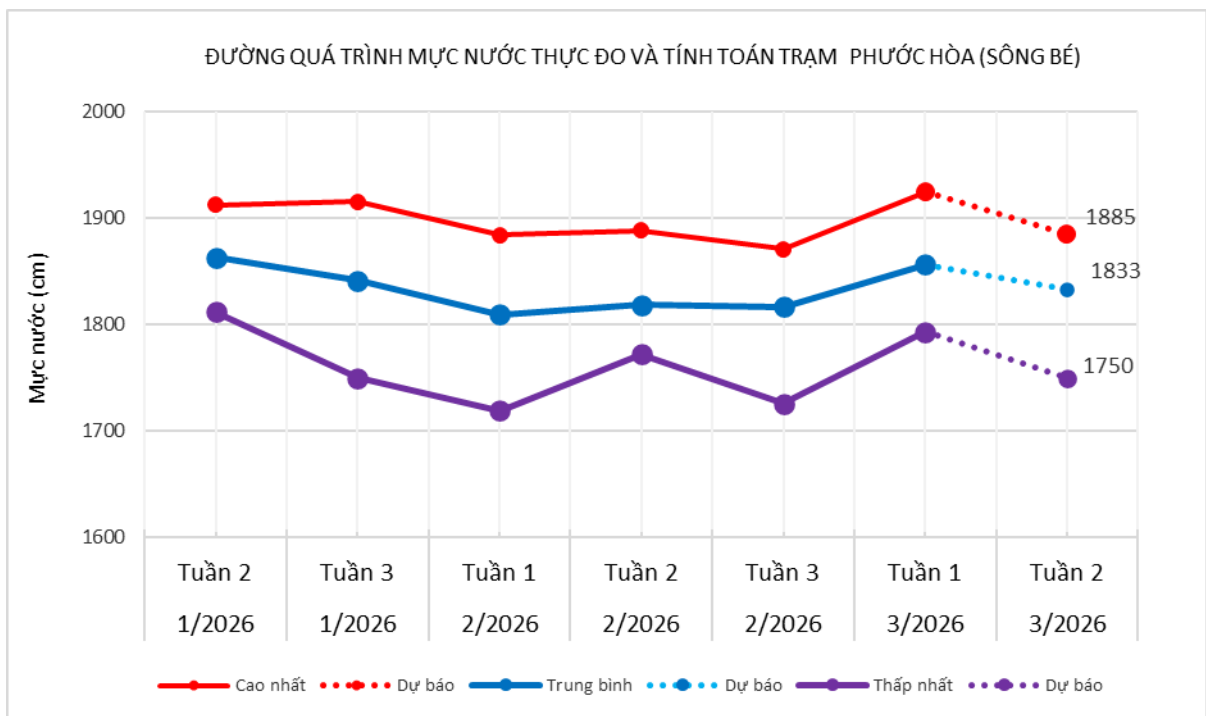
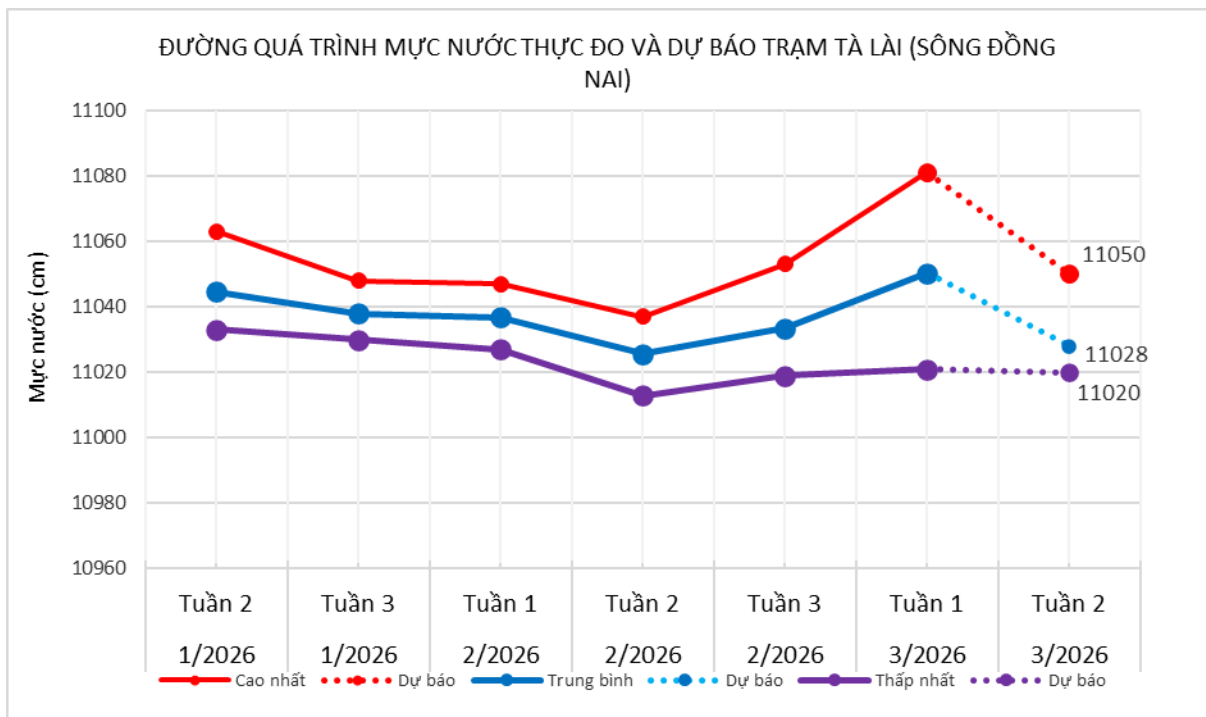
5. Các lưu vực sông thuộc khu vực Đông Nam Bộ

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên sông Đồng Nai biến đổi chậm, sông Bé dao động theo điều tiết của thủy điện tuyến trên.

b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước trên sông Đồng Nai biến đổi chậm, sông Bé dao động theo điều tiết của thủy điện tuyến trên.



6. Lưu vực sông Mê Công

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

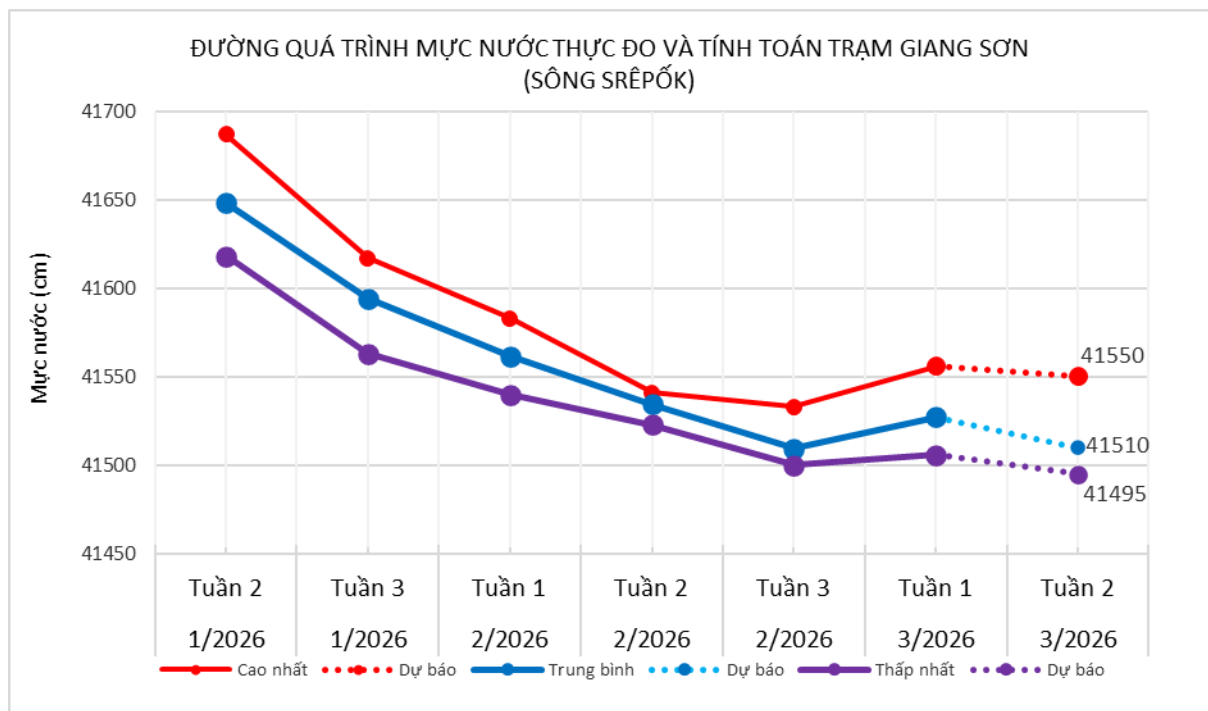
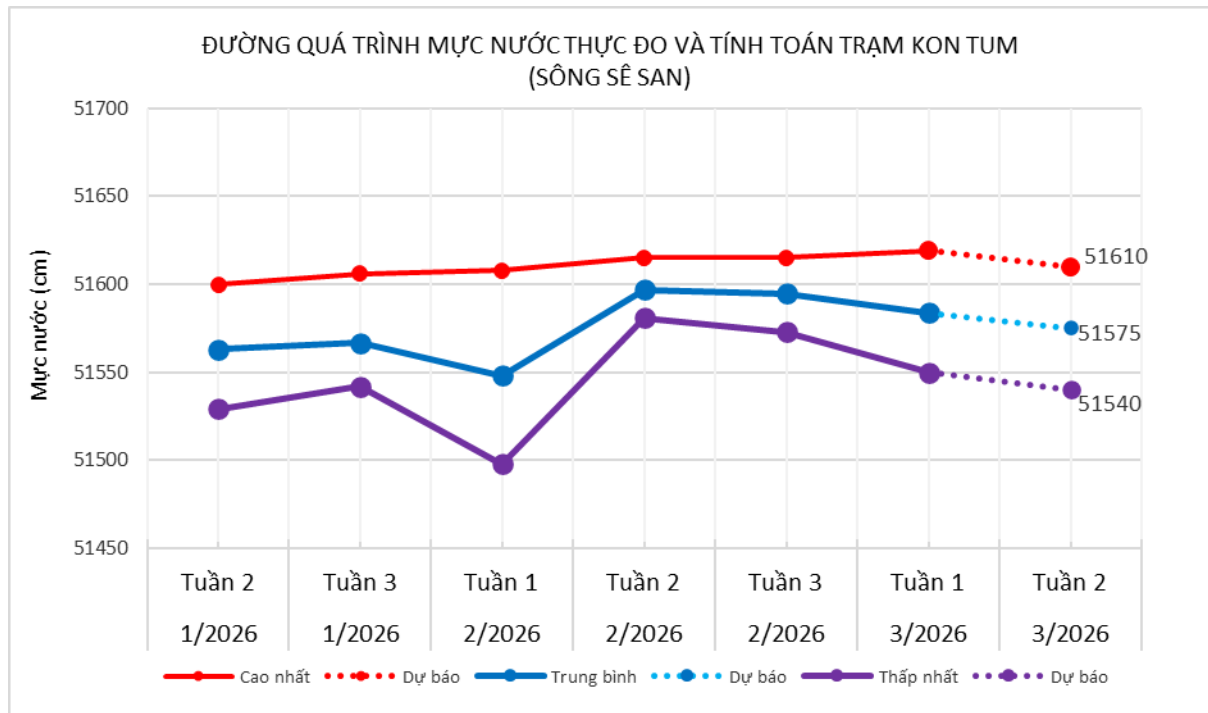
- Hệ thống sông Sê San-Srêpôk: Mức nước trên sông Krông Ana biến đổi chậm theo xu thế xuống dần, mức nước các sông khác dao động theo vận hành của hồ chứa thủy điện.

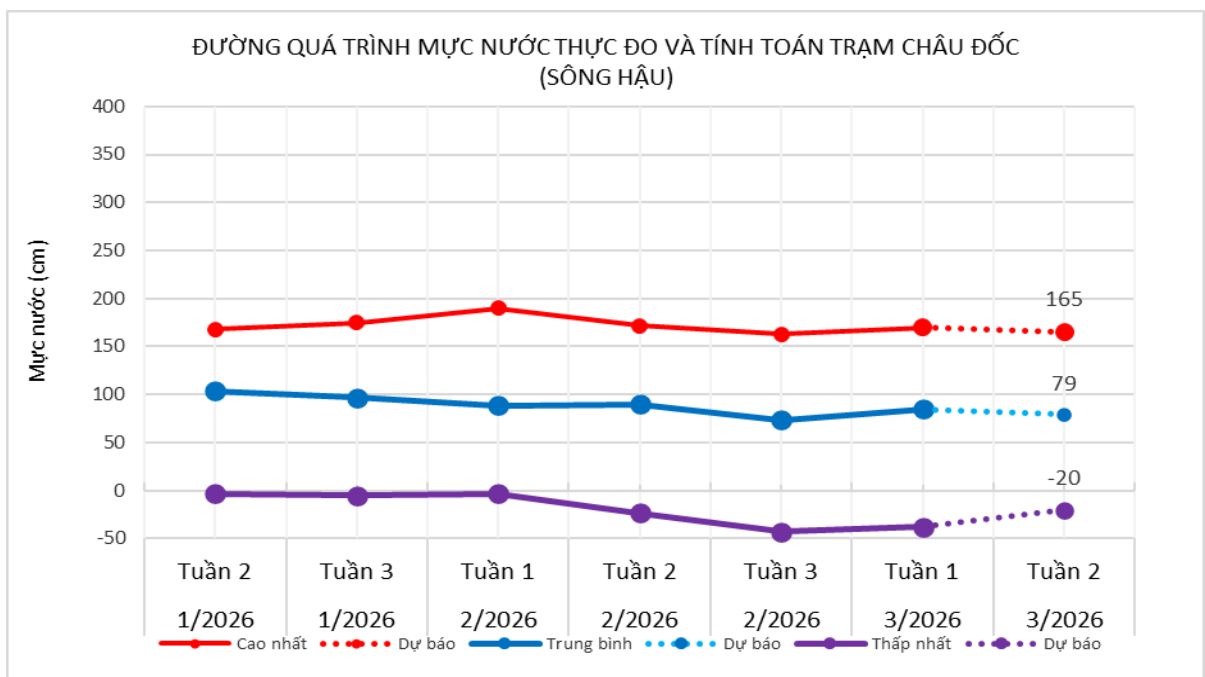
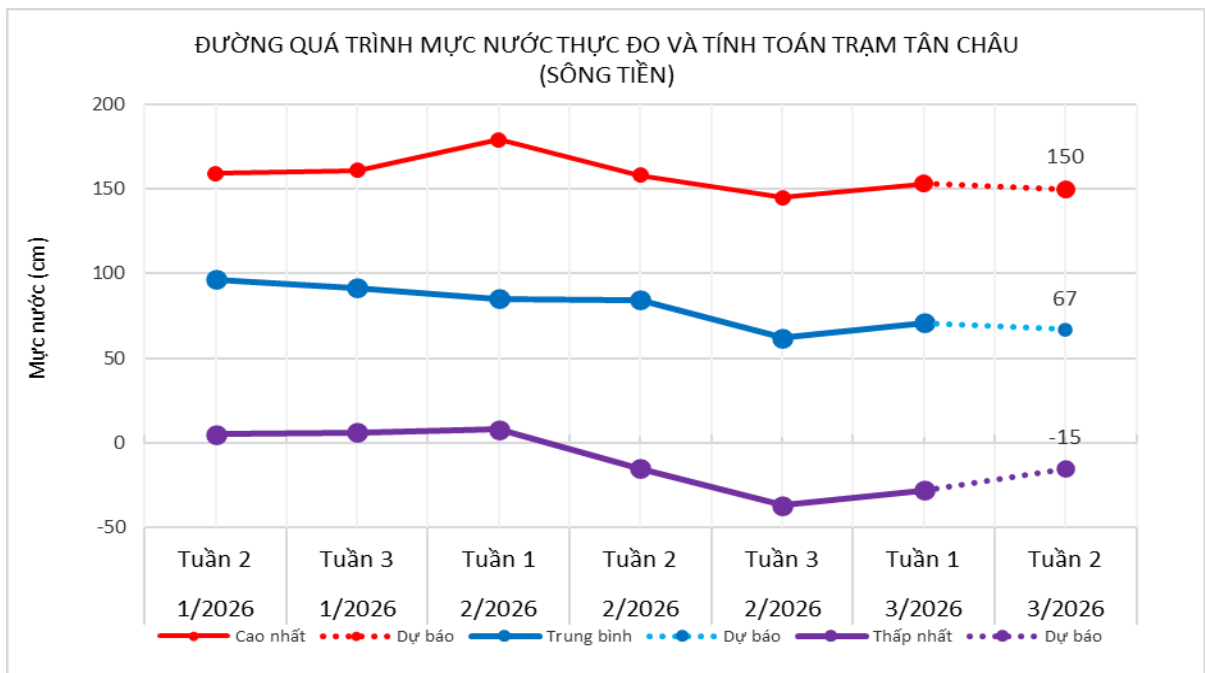
- Mức nước đầu nguồn sông Cửu Long dao động theo thủy triều. Mức nước cao nhất trên sông Tiền tại trạm Tân Châu 1,53m là (ngày 07/3), trên sông Hậu tại trạm Châu Đốc 1,7m (ngày 07/3).

b. Dự báo, cảnh báo

- Hệ thống sông Sê San-Srêpôk: Mức nước trên các sông phổ biến dao động theo vận hành hồ chứa thủy điện. Mức nước trên sông Krông Ana biến đổi chậm.

- Mức nước đầu nguồn sông Cửu Long dao động theo triều. Trong 10 ngày tới, mức nước cao nhất tại Tân Châu ở mức 1,50m, tại Châu Đốc ở mức 1,65m. Trong 05 ngày tiếp theo, mức nước đầu nguồn sông Cửu Long biến đổi theo triều.





Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 15h00 ngày 21/3/2026

Tin phát lúc: 15h00

**Người chịu trách nhiệm
ban hành bản tin**

Phùng Tiến Dũng

Phụ lục
Phụ lục 1: Bảng mực nước, lưu lượng thực đo và dự báo các trạm

Sông	Trạm	Thực đo			Dự báo								
					5 ngày đầu			5 ngày sau			10 ngày		
		Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất
Sông Đà	Hòa Bình (Q)	767	2386	40	670	1950	40	650	1930	40	660	1950	40
Thao	Yên Bái	2317	2339	2302	2300	2370	2270	2310	2390	2280	2305	2390	2270
Thao	Phú Thọ	1089	1153	1039	1080	1130	1050	1090	1150	1060	1085	1150	1050
Lô	Tuyên Quang	1238	1335	1134	1260	1350	1150	1260	1370	1165	1260	1370	1150
Lô	Vụ Quang	429	477	410	450	550	430	450	560	425	450	560	425
Cầu	Đáp Cầu	67	131	16	60	130	5	50	135	10	55	135	5
Thương	Phủ Lạng Thương	52	137	-15	55	135	-10	45	135	-15	50	135	-15
Lục Nam	Lục Nam	40	135	-27	40	135	-35	40	140	-30	40	140	-35
Hồng	Hà Nội	98	174	39	100	180	40	100	180	45	100	180	40
Thái Bình	Phả Lại	55	143	-15	60	140	-25	50	145	-20	55	145	-25
Mã	Giàng	56	188	-88	40	160	-90	42	145	-80	41	160	-90
Cả	Nam Đàn	51	148	-59	46	130	-55	42	115	-45	44	130	-55
La	Linh cảm	29	137	-96	26	130	-100	22	110	-90	24	130	-100
Gianh	Mai Hóa	32	117	-68	35	115	-65	30	112	-60	33	115	-65
Hương	Kim Long	52	89	43	60	85	55	48	70	45	54	85	45

Thu Bồn	Câu Lâu	38	83	-44	40	80	-48	35	82	-50	38	82	-50
Trà Khúc	Trà Khúc	50	99	3	58	105	18	52	90	8	55	105	8
Kôn	Thanh Hòa	675	687	666	675	699	660	670	699	655	673	699	655
Đà Rằng	Phú Lâm	-4	60	-89	-5	65	-75	-7	65	-90	-6	65	-90
Đăkbla	Kon Tum	51584	51619	51550	51570	51595	51540	51580	51610	51565	51575	51610	51540
Krông Ana	Giang Sơn	41528	41556	41506	41515	41550	41510	41505	41520	41495	41510	41550	41495
Đồng Nai	Tà Lài	11052	11081	11021	11030	11050	11025	11025	11040	11020	11028	11050	11020
Bé	Phước Hòa	1858	1924	1793	1835	1885	1775	1830	1860	1750	1833	1885	1750
Tiền	Tân Châu	75	153	-28	68	140	-5	65	150	-15	67	150	-15
Hậu	Châu Đốc	83	170	-38	80	155	-7	78	165	-20	79	165	-20